

Số: 127A/QĐ-THPTTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu- chi ngân sách Quý 3 năm 2025 của Trường THPT Thường Tân**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau sắp xếp.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý 3 năm 2025 của Trường THPT Thường Tân (Kèm đối chiếu dự toán quý 3 năm 2025 và biểu số 4)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Hiệu trưởng, Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Phúc Lộc**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ 3/2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 127/QĐ- THPTTT ngày 13 /10/2025 của Trường THPT Thường Tân )

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
<b>I</b>	<b>Quyết toán thu</b>	-	-	-	-	
<b>A</b>	<b>Tổng số thu</b>	-	-	-	-	-
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	-	-	-	-	-
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	-	-	-	-	-
1.3	Khác		-	-	-	
<b>2</b>	<b>Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Căn tin, xe đạp)</b>	-	-	-	-	
<b>3</b>	<b>Thu sự nghiệp khác</b>					
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>7.020.000</b>	<b>7.020.000</b>	-	-	-
<b>1</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	-	-	-	-	-
1.1	Chi sự nghiệp.....	-	-		-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		-	
b	Kinh phí nhiệm vụ CCTL					
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
<b>2</b>	<b>Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Căn tin, xe đạp)</b>	-				
<b>3</b>	<b>Hoạt động sự nghiệp khác</b>	7.020.000	7.020.000			
<b>C</b>	<b>Số thu nộp NSNN</b>	-	-	-	-	
<b>1</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>	-	-	-	-	
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	-	-	-	-	
	Nộp học phí		-	-	-	
<b>2</b>	<b>Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Căn tin, xe đạp)</b>	-	-	-	-	
<b>3</b>	<b>Hoạt động sự nghiệp khác</b>					
<b>II</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>2.158.615.628</b>	<b>2.158.615.628</b>	-	-	-
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
<b>2</b>	<b>Nghiên cứu khoa học</b>					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>2.158.615.628</b>	<b>2.158.615.628</b>	-	-	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.158.615.628	2.158.615.628			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					

5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</b>					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	<b>Chi Chương trình mục tiêu</b>					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia <i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)</i>					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu <i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>					

Thường Tân, Ngày 13 tháng 10 năm 2025

Lập bảng

Trần Thị Thảo

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Phúc Lộc

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Thường Tân

Mã ĐVQHNS: 1065497

Mã cấp NS: 2



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung  
Ngày ký: 06/10/2025 17:20:36  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20  
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

## BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 3 /Năm 2025

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	4.150.238.242	2.075.119.000	4.150.238.242	4.150.238.242	0	287.899.665	0	0	0	3.862.338.577
13	074	00000	0	16.055.000.000	6.621.000.000	16.055.000.000	16.055.000.000	2.158.615.628	6.871.038.812	0	0	0	9.183.961.188
14	074	00000	0	2.813.000.000	2.813.000.000	2.813.000.000	2.813.000.000	0	0	0	0	0	2.813.000.000
18	074	00000	0	876.000.000	438.000.000	876.000.000	876.000.000	0	219.782.138	0	0	0	656.217.862
<b>Cộng:</b>			0	23.894.238.242	11.947.119.000	23.894.238.242	23.894.238.242	2.158.615.628	7.378.720.615	0	0	0	16.515.517.627
<b>Phần KBNN ghi:</b>													

**Ghi chú:** KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**Ghi chú của KBNN:**

### KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Việt Trinh

### ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung  
Ngày ký: 06/10/2025 17:20:36  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20

Nguyễn Thị Mỹ Dung

Người ký: Trần Thị Thảo  
Ngày ký: 06/10/2025 10:46:09  
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Thường Tân

Trần Thị Thảo

Người ký: Nguyễn Phúc Lộc  
Ngày ký: 06/10/2025 10:52:35  
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Thường Tân

Nguyễn Phúc Lộc

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Thường Tân

Mã ĐVQHNS: 1065497

Mã cấp NS: 2



Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung  
Ngày ký: 06/10/2025 17:20:36  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20  
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

**BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  
Quý 3 /Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	074	6157	00000	0	0	0	1.500.000	0	1.500.000
Thưởng thường xuyên	18	074	6201	00000	0	0	0	219.782.138	0	219.782.138
Chi khác	12	074	6449	00000	0	0	0	135.728.245	0	135.728.245
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	0	150.607.620	0	150.607.620
Chi các khoản phí và lệ phí	12	074	7756	00000	0	0	0	63.800	0	63.800
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	1.136.865.598	3.359.286.682	1.136.865.598	3.359.286.682
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	074	6051	00000	0	0	76.620.960	264.583.320	76.620.960	264.583.320
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	26.325.002	76.869.002	26.325.002	76.869.002
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	498.444.637	1.141.576.693	498.444.637	1.141.576.693
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	8.073.000	24.219.000	8.073.000	24.219.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	20.035.694	384.715.139	20.035.694	384.715.139
Chi khác	13	074	6299	00000	0	0	5.000.000	12.476.000	5.000.000	12.476.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	251.292.081	749.594.335	251.292.081	749.594.335
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	43.078.642	128.501.884	43.078.642	128.501.884
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	0	57.004.101	0	57.004.101
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	14.359.548	42.833.961	14.359.548	42.833.961

Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	0	51.012.000	0	51.012.000
Tiền điện	13	074	6501	00000	0	0	10.273.556	63.624.652	10.273.556	63.624.652
Tiền nước	13	074	6502	00000	0	0	0	7.027.483	0	7.027.483
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000	0	0	0	12.006.000	0	12.006.000
Khoán văn phòng phẩm	13	074	6553	00000	0	0	0	13.700.000	0	13.700.000
Vật tư văn phòng khác	13	074	6599	00000	0	0	880.000	16.506.000	880.000	16.506.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	074	6601	00000	0	0	161.836	404.936	161.836	404.936
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	13	074	6605	00000	0	0	4.392.000	10.040.000	4.392.000	10.040.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	13	074	6608	00000	0	0	0	3.746.700	0	3.746.700
Khoán điện thoại	13	074	6618	00000	0	0	0	6.000.000	0	6.000.000
Chi phí khác	13	074	6699	00000	0	0	0	1.650.000	0	1.650.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	074	6701	00000	0	0	0	15.956.000	0	15.956.000
Phụ cấp công tác phí	13	074	6702	00000	0	0	0	41.850.000	0	41.850.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	074	6703	00000	0	0	0	15.600.000	0	15.600.000
Khoán công tác phí	13	074	6704	00000	0	0	3.000.000	9.000.000	3.000.000	9.000.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	0	3.400.000	0	3.400.000
Thuê thiết bị các loại	13	074	6754	00000	0	0	10.152.000	24.375.211	10.152.000	24.375.211
Thuê lao động trong nước	13	074	6757	00000	0	0	0	4.960.000	0	4.960.000
Chi phí thuê mướn khác	13	074	6799	00000	0	0	1.800.000	23.080.000	1.800.000	23.080.000
Nhà cửa	13	074	6907	00000	0	0	7.041.600	11.441.600	7.041.600	11.441.600
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	074	6912	00000	0	0	0	9.000.000	0	9.000.000
Tài sản và thiết bị văn phòng	13	074	6913	00000	0	0	4.500.000	8.658.000	4.500.000	8.658.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	074	6921	00000	0	0	0	16.984.000	0	16.984.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	074	6949	00000	0	0	0	17.100.000	0	17.100.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	18.345.874	97.257.713	18.345.874	97.257.713
Chi khác	13	074	7049	00000	0	0	12.600.000	123.935.000	12.600.000	123.935.000
Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	13	074	7053	00000	0	0	0	2.420.000	0	2.420.000

Chi các khoản phí và lệ phí	13	074	7756	00000	0	0	193.600	873.400	193.600	873.400
Chi các khoản khác	13	074	7799	00000	0	0	5.180.000	17.770.000	5.180.000	17.770.000
<b>Cộng:</b>					0	0	2.158.615.628	7.378.720.615	2.158.615.628	7.378.720.615
<b>Phần KBNN ghi:</b>										

**Ghi chú:** KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

**Ghi chú của KBNN:**

## KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 10 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngô Việt Trinh

Người ký: Nguyễn Thị Mỹ Dung  
Ngày ký: 06/10/2025 17:20:36  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: KBNN Khu vực II-PGD số 20

Nguyễn Thị Mỹ Dung

## ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Trần Thị Thảo  
Ngày ký: 06/10/2025 10:46:09  
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Thường Tân

Người ký: Nguyễn Phúc Lộc  
Ngày ký: 06/10/2025 10:52:35  
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Thường Tân

Trần Thị Thảo

Nguyễn Phúc Lộc